MỤC LỤC

BÀI THỰC HÀNH SỐ 4

[a. Bài tập về Store Procedure 3](#_Toc91798452)

[1. In ra dòng chữ “Xin Chao” 3](#_Toc91798453)

[2. In ra dòng chữ “ Xin chào” + @ten với @ten là tham số đầu vào là tên của bạn. Cho thực thi và in giá trị cảu các tham số này để kiểm tra 3](#_Toc91798454)

[3. Nhập vào 2 số @s1,@s2. In ra câu “Tổng là : @tg’ với @tg = @s1+@s2 4](#_Toc91798455)

[4. Nhập vào 2 số @s1,@s2. Xuất min và max của chúng rat ham số @max Cho thực thi và in giá trị của các tham số này để kiểm tra. 4](#_Toc91798456)

[5. Nhập vào số nguyên @n. In ra các số từ 1 đến @n. 5](#_Toc91798457)

[6. Nhập vào số nguyên @n. In ra tổng các số chẵn từ 1 đến @n 6](#_Toc91798458)

[7. Viết store procedure tương ứng với các cầu ở phần View. Sau đó cho thể hiện kết quả 7](#_Toc91798459)

[7.1 View 1 7](#_Toc91798460)

[7.2 View 2 7](#_Toc91798461)

[7.3 View 3 8](#_Toc91798462)

[7.4 View 4 8](#_Toc91798463)

[7.5 View 5 9](#_Toc91798464)

[8. Ứng với mỗi bảng trong CSDL QLBongDa, bạn hãy viết 4 stored Procedure ứng với 4 công việc Insert/Update/Delete/Select. Trong đó Stored procedure update và delete lấy khóa chính làm tham số 10](#_Toc91798465)

[8.1 Bảng QUOCGIA\_DUCCD 10](#_Toc91798466)

[8.1.1 Select 10](#_Toc91798467)

[8.1.2 Insert 11](#_Toc91798468)

[8.1.3 Update 12](#_Toc91798469)

[8.1.4 Delete 13](#_Toc91798470)

[8.2 Bảng CAUTHU\_DUCCD 14](#_Toc91798471)

[8.2.1 Select 14](#_Toc91798472)

[8.2.2 Insert 15](#_Toc91798473)

[8.2.3 Update 16](#_Toc91798474)

[8.2.4 Delete 17](#_Toc91798475)

[8.3 Bảng HUANLUYENVIEN\_DUCCD 18](#_Toc91798476)

[8.3.1 Select 18](#_Toc91798477)

[8.3.2 Insert 19](#_Toc91798478)

[8.3.3 Update 20](#_Toc91798479)

[8.3.4 Delete 21](#_Toc91798480)

[8.4 Bảng CAULACBO\_DUCCD 22](#_Toc91798481)

[8.4.1 Select 22](#_Toc91798482)

[8.4.2 Insert 23](#_Toc91798483)

[8.4.3 Update 23](#_Toc91798484)

[8.4.4 Delete 24](#_Toc91798485)

[8.5 Bảng HLV\_CLB\_DUCCD 25](#_Toc91798486)

[8.5.1 Select 25](#_Toc91798487)

[8.5.2 Insert 26](#_Toc91798488)

[8.5.3 Update 27](#_Toc91798489)

[8.5.4 Delete 28](#_Toc91798490)

[b. Bài tập về Trigger 29](#_Toc91798491)

[1. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra vị trí trên sân của cầu thủ chỉ thuộc một trong các vị trí sau: Thủ môn, Tiền đạo, Tiền vệ, Trung vệ, Hậu vệ. 29](#_Toc91798492)

[2. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra số áo của cầu thủ thuộc cùng một câu lạc bộ phải khác nhau 29](#_Toc91798493)

[3. Khi thêm thông tin cầu thủ thì in ra câu thông báo bằng Tiếng Việt ‘Đã thêm cầu thủ mới’ 30](#_Toc91798494)

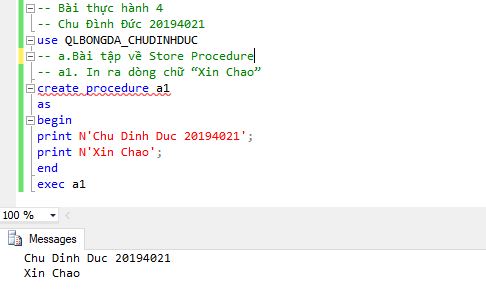
[4. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra số lượng cầu thủ nước ngoài ở mỗi câu lạc bộ chỉ được phép đăng ký tối đa 8 cầu thủ 30](#_Toc91798495)

[5. Khi thêm tên quốc gia, kiểm tra tên quốc gia không được trùng với tên quốc gia đã có 31](#_Toc91798496)

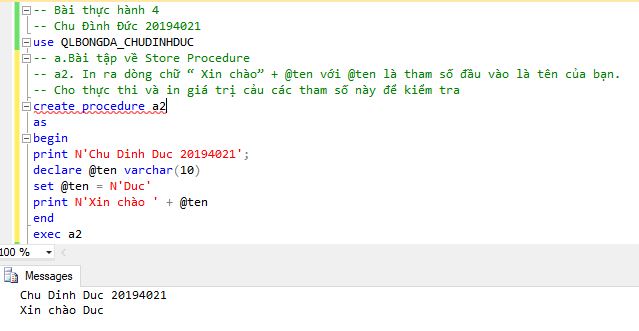
**BÀI THỰC HÀNH SỐ 4**

# a. Bài tập về Store Procedure

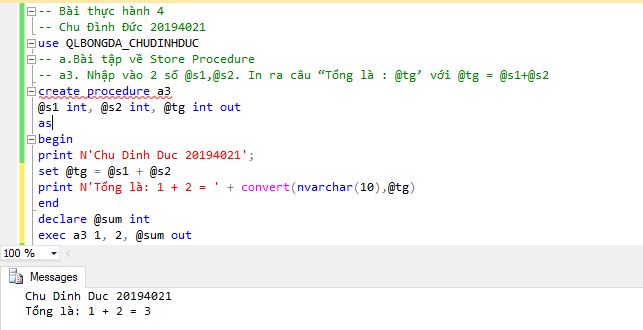
## 1. In ra dòng chữ “Xin Chao”



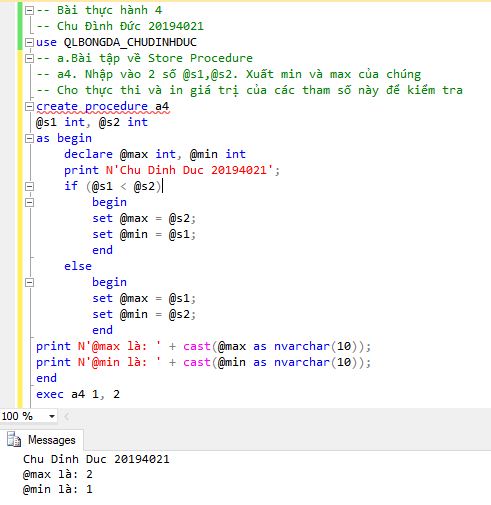
## 2. In ra dòng chữ “ Xin chào” + @ten với @ten là tham số đầu vào là tên của bạn. Cho thực thi và in giá trị cảu các tham số này để kiểm tra



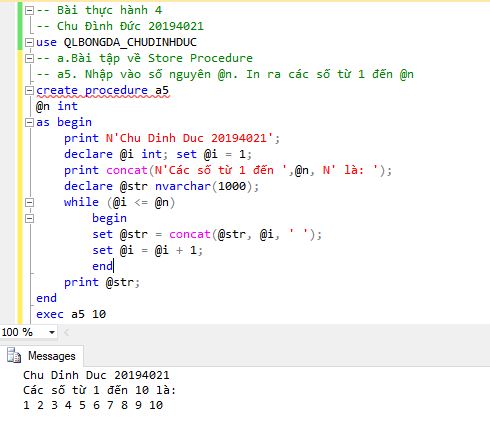
## 3. Nhập vào 2 số @s1,@s2. In ra câu “Tổng là : @tg’ với @tg = @s1+@s2



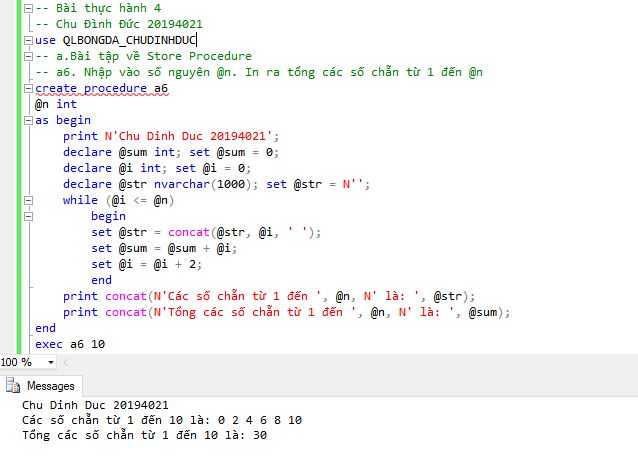
## 4. Nhập vào 2 số @s1,@s2. Xuất min và max của chúng rat ham số @max Cho thực thi và in giá trị của các tham số này để kiểm tra.



## 5. Nhập vào số nguyên @n. In ra các số từ 1 đến @n.

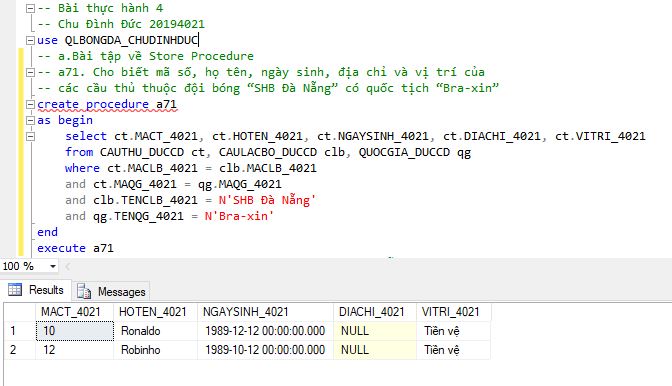


## 6. Nhập vào số nguyên @n. In ra tổng các số chẵn từ 1 đến @n

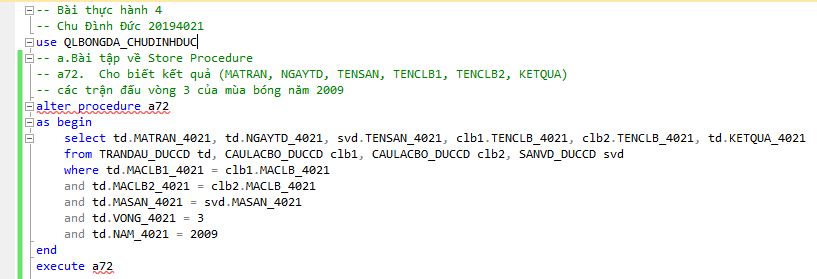


## 7. Viết store procedure tương ứng với các cầu ở phần View. Sau đó cho thể hiện kết quả

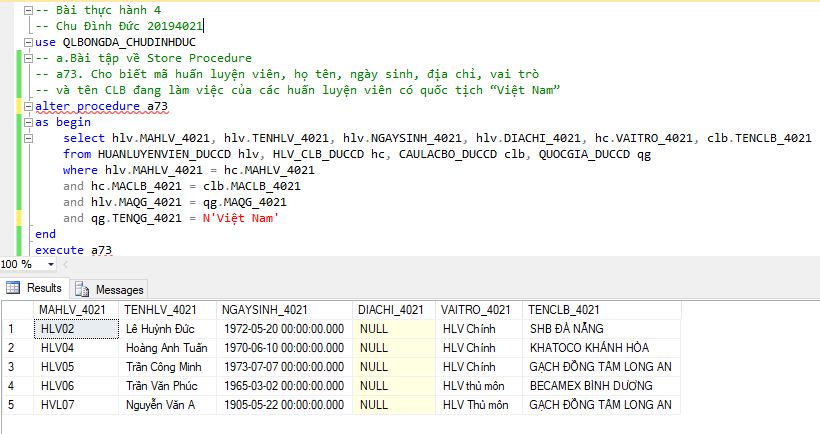
### 7.1 View 1



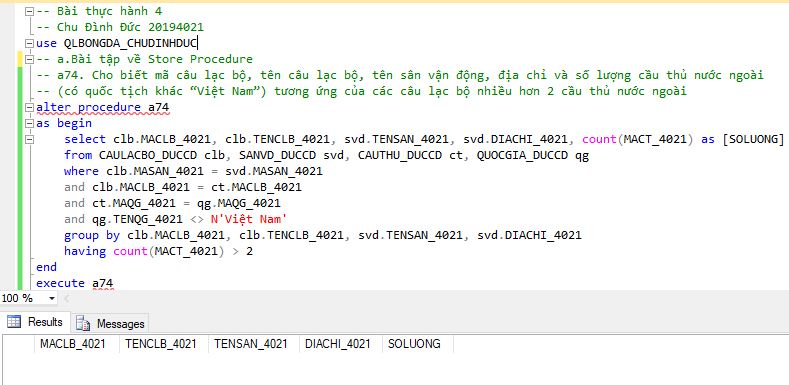
### 7.2 View 2



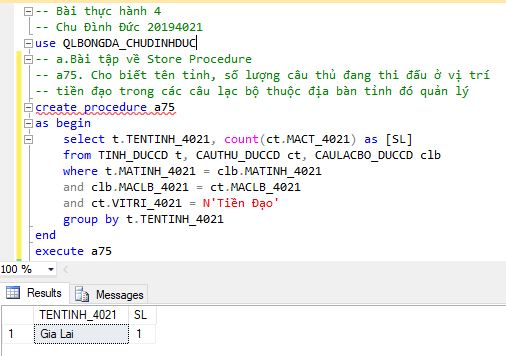
### 7.3 View 3



### 7.4 View 4



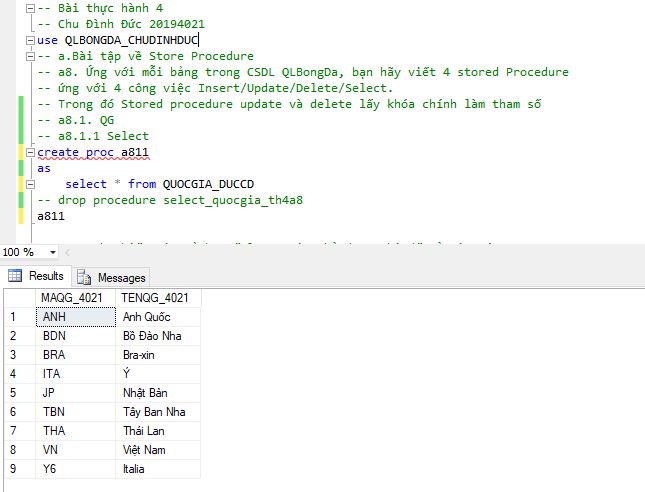
### 7.5 View 5



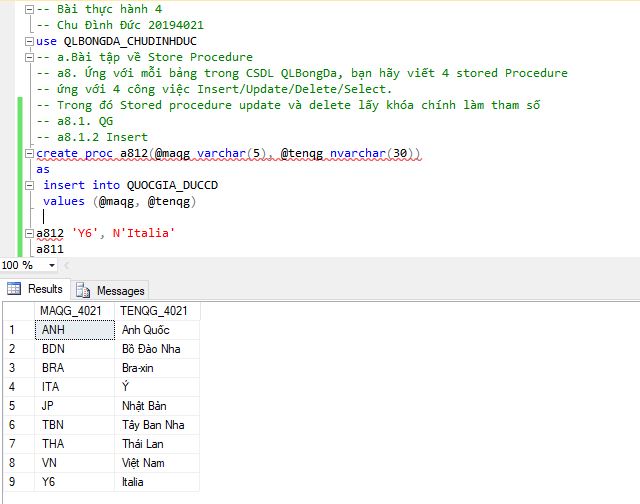
## 8. Ứng với mỗi bảng trong CSDL QLBongDa, bạn hãy viết 4 stored Procedure ứng với 4 công việc Insert/Update/Delete/Select. Trong đó Stored procedure update và delete lấy khóa chính làm tham số

### 8.1 Bảng QUOCGIA\_DUCCD

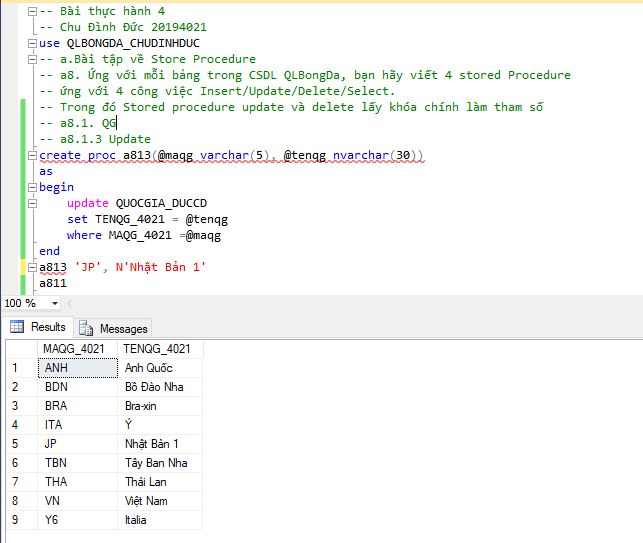
### 8.1.1 Select



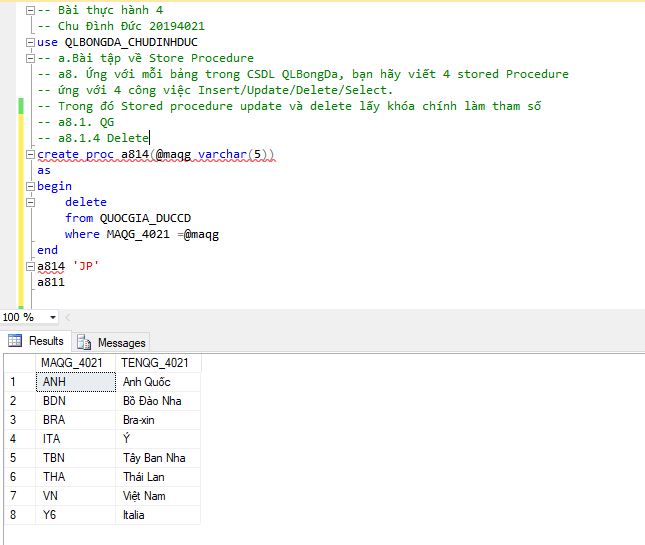
### 8.1.2 Insert



### 8.1.3 Update

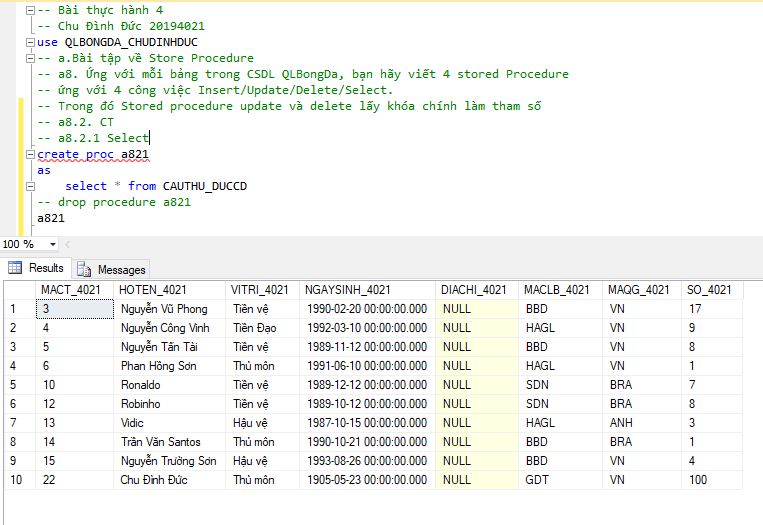


### 8.1.4 Delete

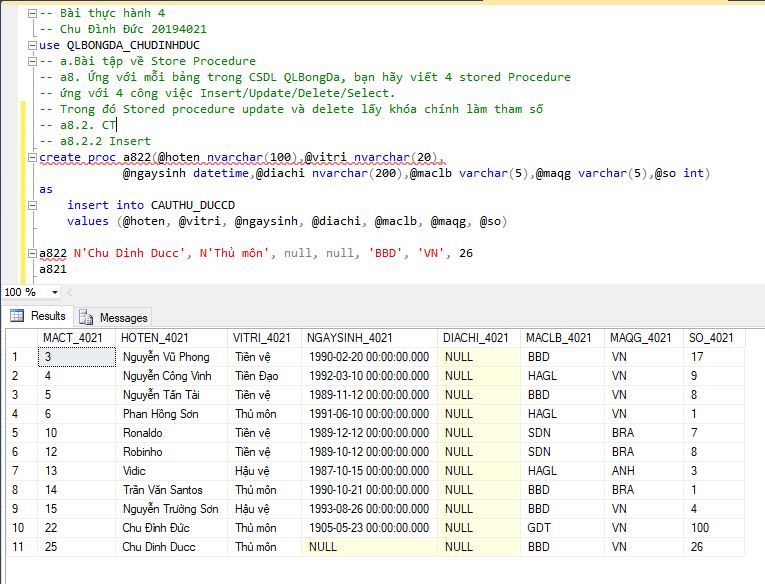


### 8.2 Bảng CAUTHU\_DUCCD

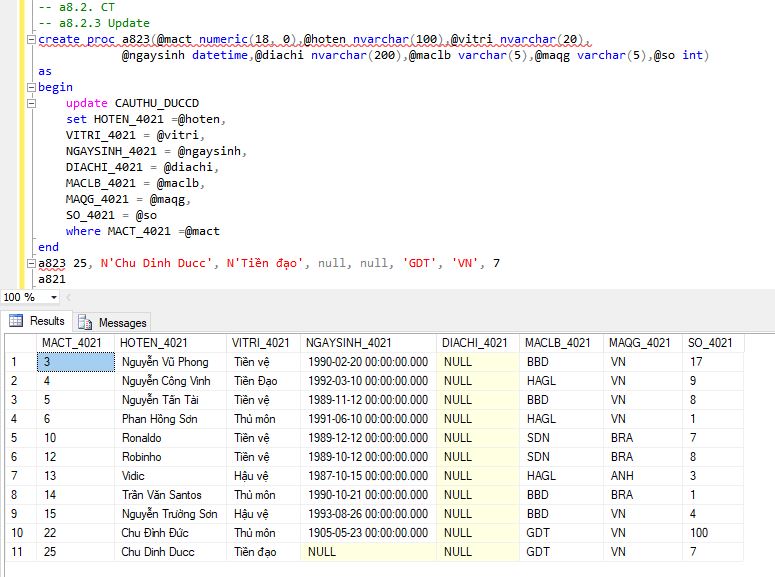
### 8.2.1 Select



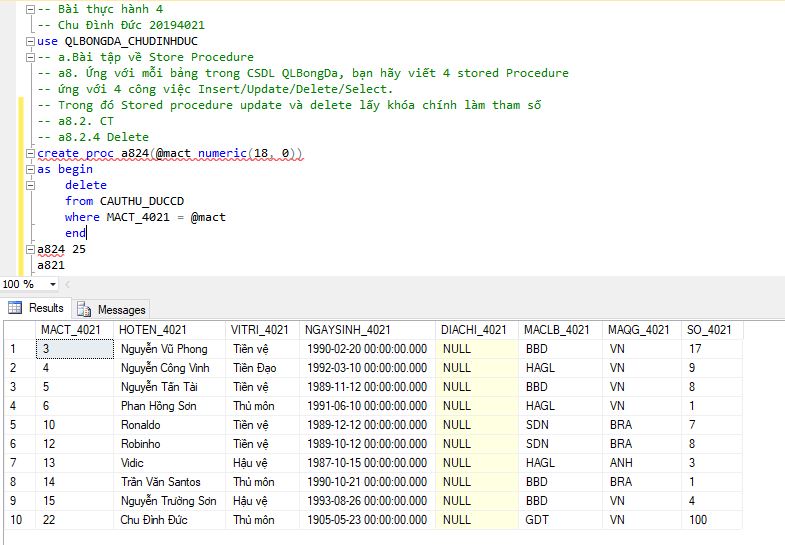
### 8.2.2 Insert



### 8.2.3 Update

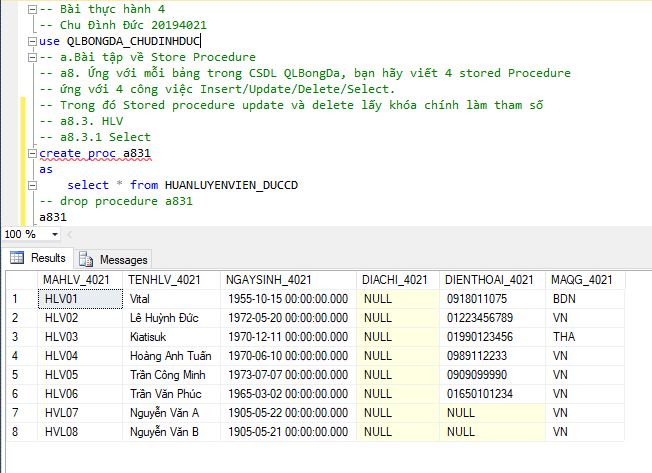


### 8.2.4 Delete

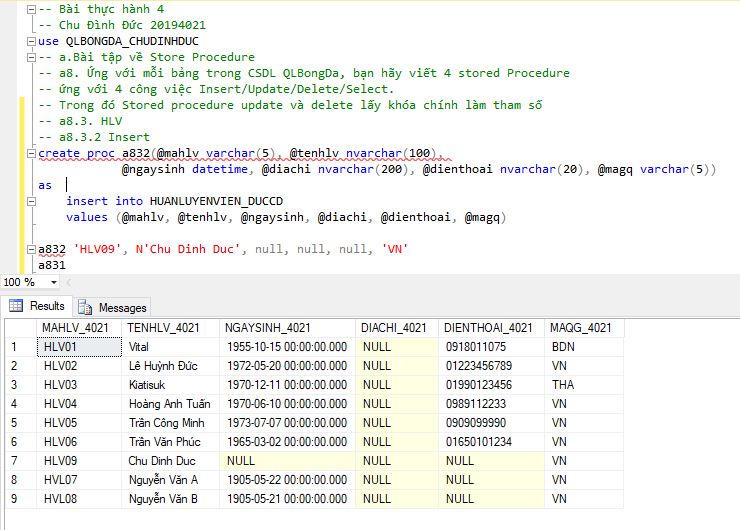


### 8.3 Bảng HUANLUYENVIEN\_DUCCD

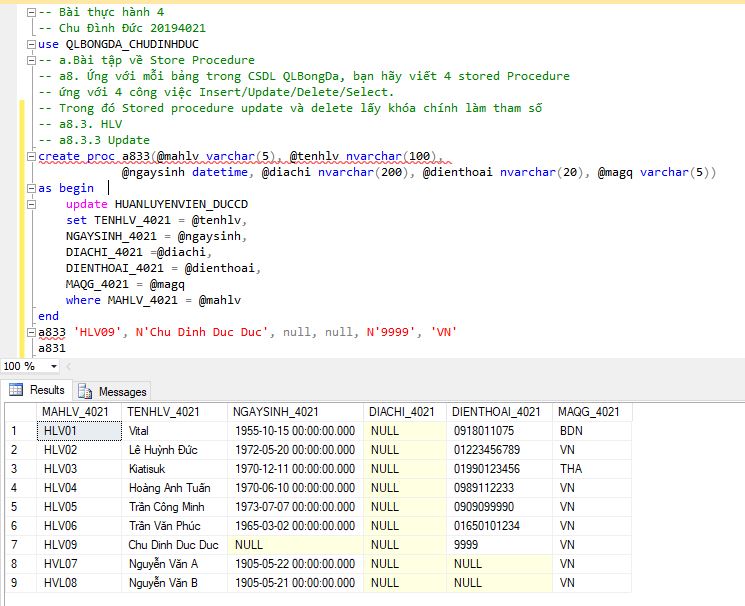
### 8.3.1 Select



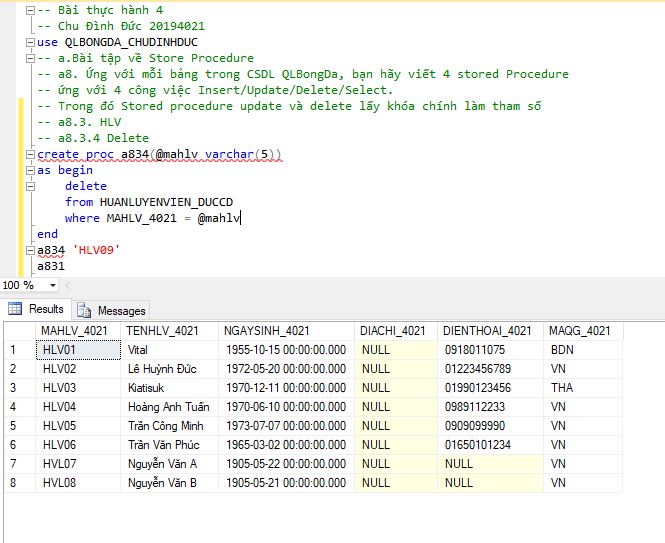
### 8.3.2 Insert



### 8.3.3 Update

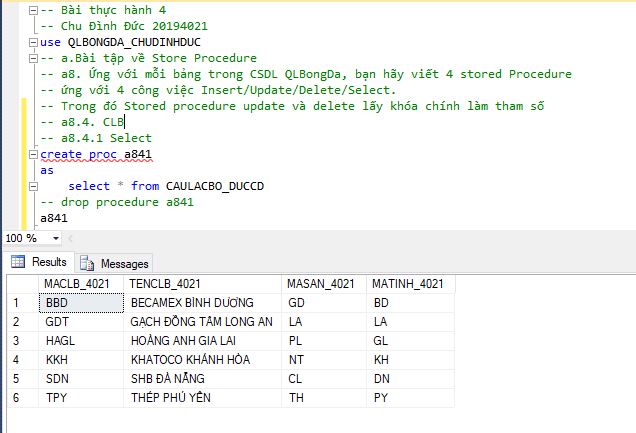


### 8.3.4 Delete

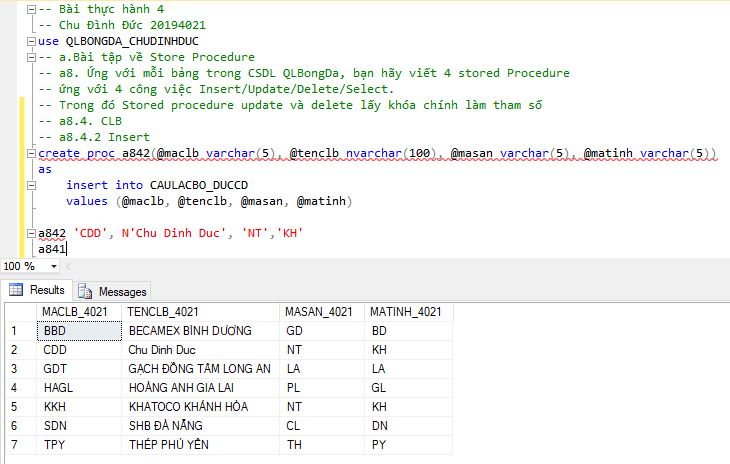


### 8.4 Bảng CAULACBO\_DUCCD

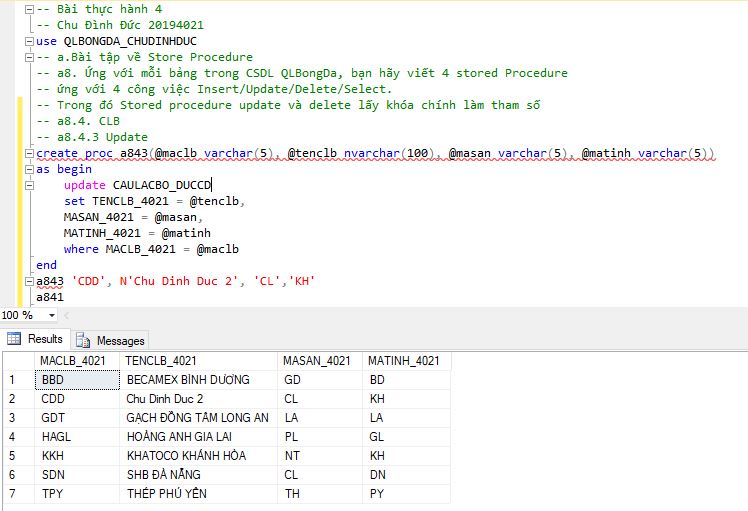
### 8.4.1 Select



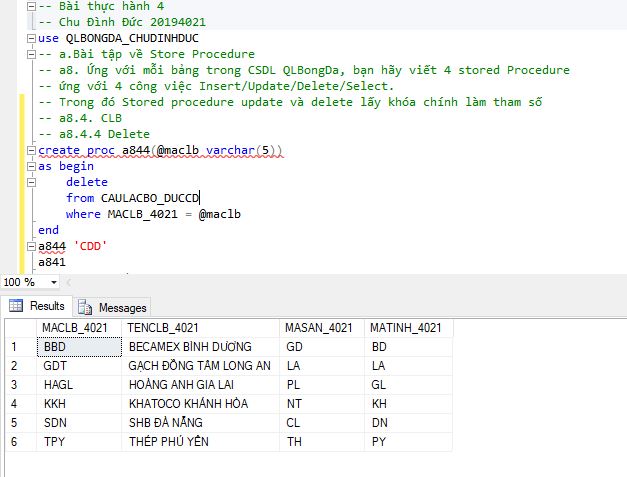
### 8.4.2 Insert



### 8.4.3 Update

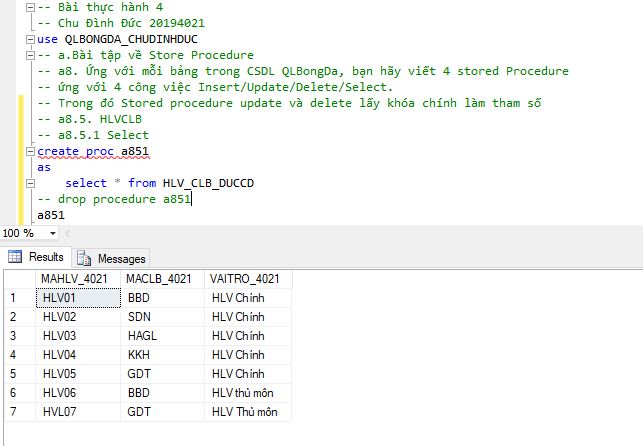


### 8.4.4 Delete

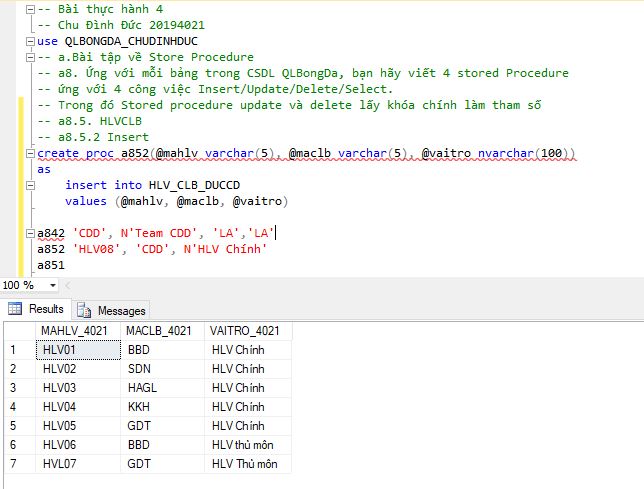


### 8.5 Bảng HLV\_CLB\_DUCCD

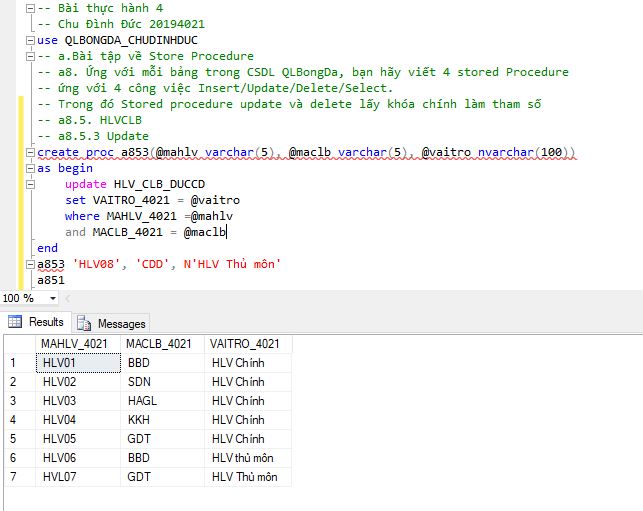
### 8.5.1 Select



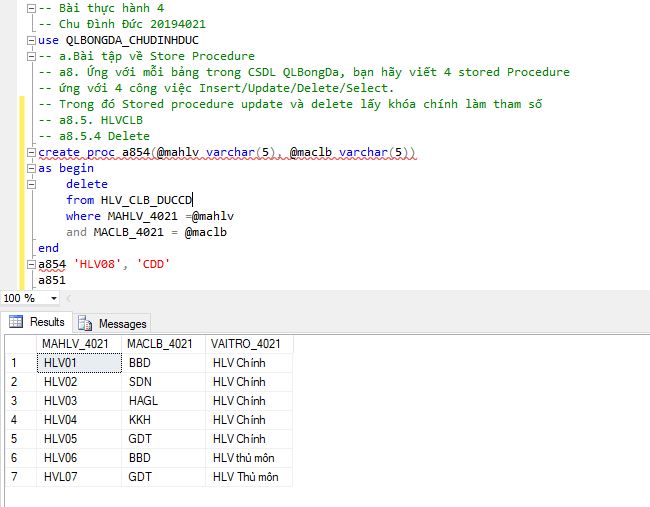
### 8.5.2 Insert



### 8.5.3 Update

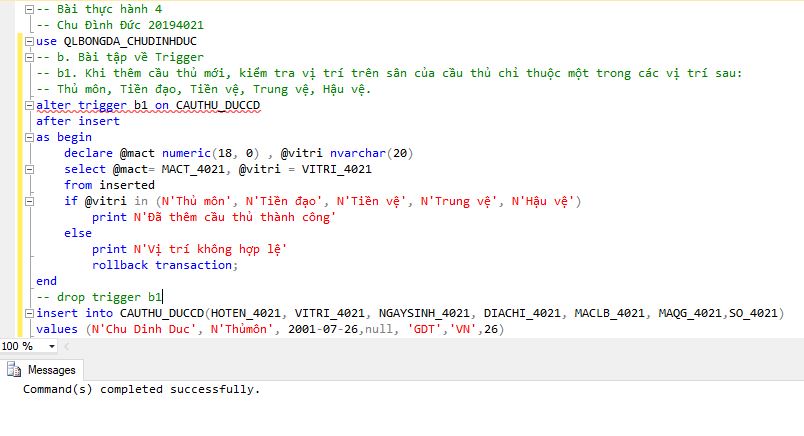


### 8.5.4 Delete

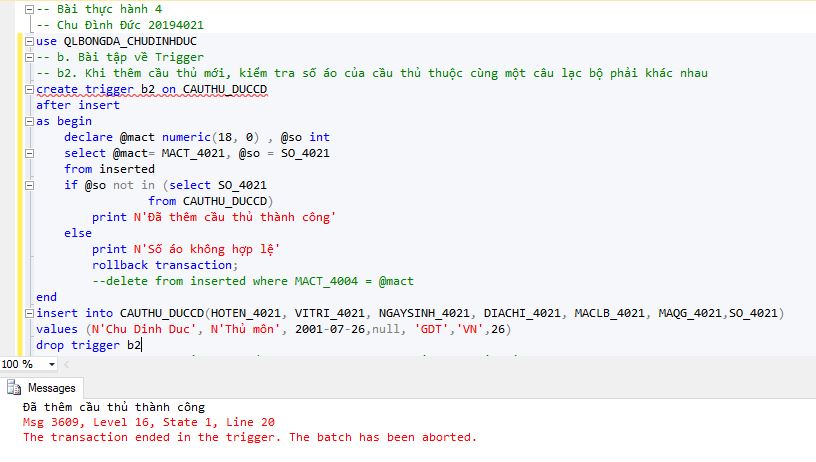


# b. Bài tập về Trigger

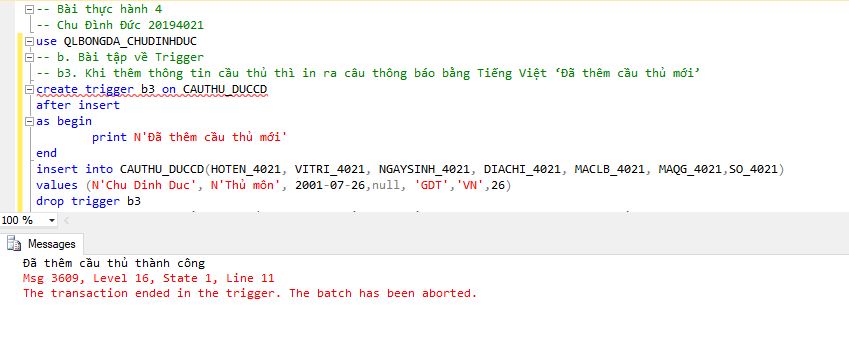
## 1. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra vị trí trên sân của cầu thủ chỉ thuộc một trong các vị trí sau: Thủ môn, Tiền đạo, Tiền vệ, Trung vệ, Hậu vệ.



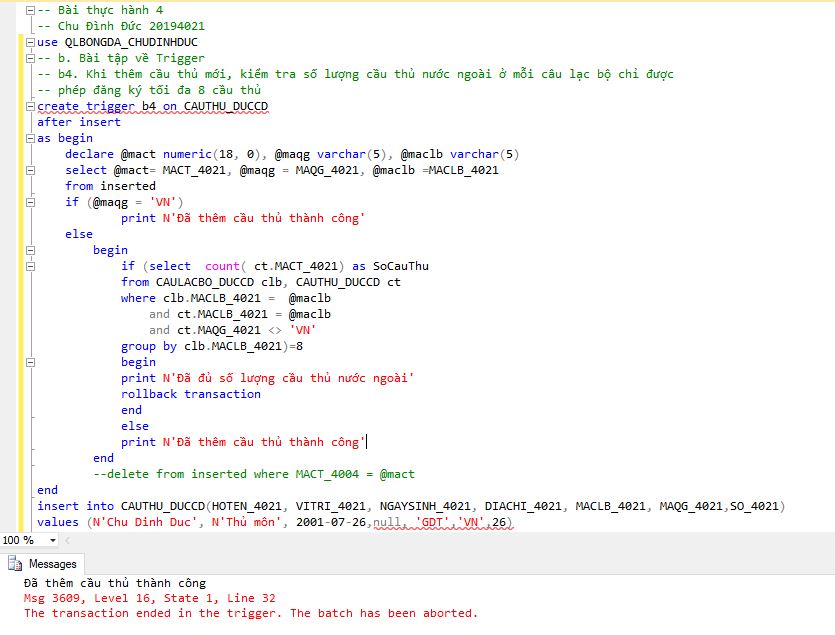
## 2. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra số áo của cầu thủ thuộc cùng một câu lạc bộ phải khác nhau



## 3. Khi thêm thông tin cầu thủ thì in ra câu thông báo bằng Tiếng Việt ‘Đã thêm cầu thủ mới’



## 4. Khi thêm cầu thủ mới, kiểm tra số lượng cầu thủ nước ngoài ở mỗi câu lạc bộ chỉ được phép đăng ký tối đa 8 cầu thủ



## 5. Khi thêm tên quốc gia, kiểm tra tên quốc gia không được trùng với tên quốc gia đã có

